

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: _____ Y _____ NO _____

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Nguyen van Tan
Last Middle First

Current Address: 299/2 Tanong Tan Bui, P6, Q 6, HCM

Date of Birth: 01/15/41 Place of Birth: Gia diul

Previous Occupation (before 1975) 2nd Lt.
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06/27/75 To 09/7/80
Years: _____ Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: FVPPA
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES :	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



Nguyễn Văn Tấn
15-01-1941,
299/2 Trường Tân
Bưởi
Sài Gòn 6 Việt
Nam

Lâm Thị Tú
1909
299/2 Trường Tân Bưởi
Sài Gòn 6 Việt Nam



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020517399**

Họ tên **LÂM THỊ TƯ**



Sinh ngày **1909**

Nguyên quán **Nhà Bè,**

TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú **279/21 Trường Tân
Bửu, Q. 6, TP. Hồ Chí Minh.**

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Phật

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

NGÓN TRỎ TRÁI

2 Nốt ruồi gần nhau
0,3cm c, 1,5cm d, dưới
sau đầu mũi trái.

NGÓN TRỎ PHẢI

Khoảng tháng 12 năm 1978
TỔNG CỤC HOẶC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN
PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Duy Hòa

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

THẺ CĂN-CƯỚC

Số 00104745

Họ Tên NGUYỄN-VĂN-TÂN



Ngày sinh 15-01-1944

Nhơn-Dức, Gia-Định.

Cha Nguyễn-Văn-Bè (c)

Mẹ Lâm-thị-Chương

Quê nhà 299/2 Trương-Tân-Bửu.

Dấu vết riêng:

Tàn nhang lọt I dưới
trước trái tai trái

Cao: 1 th 60

Nặng: 51 kg

Chữ ký dương sự:

Saigon, ngày 10-01 1969

TUN. Giám-Đốc Cảnh-Sát QGDP

Trưởng-Ty CSQG Quận 6

LỢI-NGUYỄN-TRANG

Ngón trỏ mặt



Ngón trỏ trái



VIỆT-NAM CỘNG HÒA
THẺ CĂN-CƯỚC

Số 11069823

Tên NGUYỄN-THỊ-BẠCH-TUYẾT



Ngày, đơi sanh 23-04-1959

Saigon

Nguyen-van-Sau

Nguyen-thi-Thuyen

Địa chỉ 270/I25-B Hòa-Hảo.

K-6 LG-II Phg. Nứt-Táo.

Dấu vết (ong)

Nốt ruồi đen cạnh cánh
mũi phải.

Cao 1 th 9

Nặng 10 Kg

Chữ ký được sự

Saigon, ngày 10-01-1974
TUN CHỈ-HUY-TRƯỞNG CSQG THỦ-ĐO
Chỉ-Huy-Pho CSQG Quận 10

(Handwritten signature)

Thiếu-Tá VÕ-VAN-ĐỨC

Ngón trỏ mặt
Ngón trỏ trái



Ho chi Minh city,

To: THE ORDERLY DEPARTURE PROGRAM OFFICE
131 Soi Tien Siang
South Sathorn Road
Bangkok 10120 - THAILAND

Subject: APPLICATION FOR IMMIGRATION TO THE UNITED STATES UNDER
THE ORDERLY DEPARTURE PROGRAM.

Dear Sir,

I undersigned : NGUYEN-VAN-TAN

Date and place of birth : Jan 15th-1941 Gia-Dinh South Vietnam

Nationality : Vietnam

Family status : Married

Current and mailing address: 299/2 Trương tấn Bửu, P6, Q6, HCM city.

Have honor to request your consideration of my case as follow:

I was a Police officer of the Saigon government

Rank : Second-Lieutenant

Title: Chief of Tân-Mỹ village Police Station Đức-Thịnh district
Sadec province.

Electric computing procedure No:184197

Serial number : 61/108323

Pre 1975 ID card No:00104745, Jan 10th 1969 in 6th Precinct

I was in re-education 5 years 2 months 11 days and released as of the date September 7th 1980. I learned that your organization has helped many of the Vietnamese to go to The United States legally as refugees for many years. To compare with the ODP pamphlet issued by the Bureau for Refugee Programs, US department of States which I read, I affirm myself that I am eligible of the third category of men formerly associated with the Saigon Government among the three categories defined in its content. Therefore, I now make this application with the great only hope that my case will be considered by you widely in order I and my family may depart to the United States legally under the ODP as the previous refugees. Below is the list of my accompanying family members:

FULL NAME	Date and place of birth:	Sex:	Relationship
1-NGUYEN THI BACH TUYET	April 23 1959 Saigon SVN:	F :	Wife
2-LAM-THI-TU	: 1969 Gia-Dinh South VN:	F :	Mother

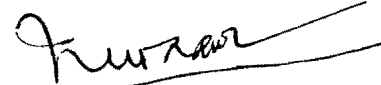
My mother is residing in the same address with me as mentioned above. We put our trust on your humanitarian spirit through this application. So, would you please give me an answer by return even my case to be approved or not, I shall be very grateful.

ENCLOSURE

- Release certificate
- Birth certificate
- Photos
- Marriage certificate
- Questionnaire
- Draftee's certificate
- ID card
- Extract of judgment

Respectfully yours

The applicant


NGUYEN-VAN-TAN

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

Date: 23 October 1964
Ngày: _____

A. Basic Identification Data
Lý lịch căn-bản

1. Name
Họ, Tên : NGUYỄN VĂN TẤN
2. Other Names
Họ, Tên Khác : HOANG
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : JAN. 15 th, 1941, Nhon Bít, Nhà Bè, GIA ĐỊNH
4. Residence Address
Địa-chỉ Thường-trú : 299/2, Trương Tấn Bửu, P.6, Q.6, HỒ CHÍ MINH city
5. Mailing Address
Địa-chỉ Thư-tử : AS ABOVE
6. Current Occupation
Nghề-Nghiệp : former POLICE 2nd Lieutenant, Chief of National Police Station

B. Relatives To Accompany Me
Bà Con Cũng Đi Với Tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia-đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc-thân (S).)

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm Sinh	Place of Birth Nơi Sinh	Sex Phái	MS Tình Trạng Gia Đình	Relationship Liên-Hệ Gia-Đình
1. NGUYỄN THỊ BÍCH TUYÊN	23 Apr. 1959	Saigon	F	M	Wife
2. LAM THỊ BÙ (Lam thị CHUÔNG)	1909	Gia Định	F	W	Mother
3. NGUYỄN THỊ CẨM LUYẾN	1955	Saigon	F	S	
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cũng đi với bạn không chung-ngự với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam
Họ Hàng Ở Ngoài Quốc

1. Closest Relative In the U.S.
Bà Con Thân Thuộc Nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên :

TRẦN THỊ GIẢI

b. Relationship
Liên-Hệ Gia-Đình :

Wife's Aunt

c. Address
Địa-Chỉ :

2. Closest Relative in Other Foreign Countries/
Bà Con Thân-Thuộc Nhất ở Các Nước Khác NONE

a. Name

Họ, Tên :

b. Relationship

Liên-Hệ Gia-Đình :

c. Address

Địa-Chỉ :

D. Complete Family Listing (Living/Dead)
Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

Name
Họ, Tên

Address
Địa-Chỉ

1. Father

Cha

: Nguyễn Văn Bê (dead)

2. Mother

Mẹ

: Lâm Thị CHUÔNG (TU) (L), 299/2 Trương Tấn Bửu, Q.6, HỒ CHÍ MINH city

3. Spouse

Vợ/Chồng

: Nguyễn Thị BẠCH TUYẾT (L), 43/7 ấp 2, Phú Mỹ, Nhà Bè, HỒ CHÍ MINH city

4. Former Spouse (if any)

Vợ/Chồng Trước (nếu có):

NONE

5. Children

NOT YET

Con Cái :

(1)

(2)

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

(10)

6. Siblings NONE

Anh Chị Em:

(1)

(2)

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

(10)

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organizations of you or your Spouse
Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã có Làm Việc cho Công-sở của Chính-phủ Mỹ hoặc Hãng Mỹ NONE

1. Name of Person Employed:

Họ Tên Nhân-Viên:

2. Dates:

From:

To:

Ngày, Tháng, Năm

Từ:

Tới:

1

2

3

4

3. Title of (Last) Positions Held

Chức-vụ Công-Việc

1.
2.
3.
4.

4. Agency/Company/Office

Sở/Hàng/Văn-Phòng :

1.
2.
3.
4.

5. Name of (Last) Supervisor

Tên Họ Người Giám-Thị :

1.
2.
3.
4.

6. Reason for Leaving

Lý-Do Ra Đi :

1.
2.
3.
4.

7. Training for Job in Vietnam:

Nghề-Nghiệp Huấn Luyện tại Việt-Nam:

F Service with GVN or RVNAP By You Or Your Spouse

Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving

Họ Tên Người Tham-Gia :

NGUYỄN-VĂN-TẤN

2. Dates:

Ngày, Tháng, Năm

From:

To:

Từ :

30 NOV. 1967

Tới :

30 APR. 1975

3. Last Rank

Cấp-bậc Cuối-Cùng

:

Police Second Lieutenant

4. Ministry/Office/Military Unit

Đội/số/Đơn-Vị/Binh-Chúng

:

SADEC Province National Police Command

5. Name of Supervisor/C.O.

Họ Tên Người Giám-Thị/Sĩ-Quan

Chỉ-Huy

:

Lt. Col. PHAN VĂN CAO

6. Reason for Leaving

Lý do Ra Đi

:

Collapse of the Saigon Government

7. Names of American Advisor(s):

Họ Tên Cố-Vấn Mỹ

:

NONE

8. U.S. Training Courses in Vietnam:

Chương-Trình Huấn-Luyện Hoa-Kỳ

Tại Việt-Nam

:

NONE

9. U.S. Awards or Certificates :

Giấy Ban-Khen Hoặc chứng-thư do Hoa-Kỳ Cấp:

NONE

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available? Yes ☐ No ☐)

(CHÚ-Ý: Xin bạn Kèm Theo Bất cứ Văn-Băng, Giấy Ban-Khen, hoặc Chứng-Thư nếu có. Đừng sự có không? Có ☐ Không ☐)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse
Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã Huấn-Luyện Ở Ngoại Quốc N O N E

1. Name of Student/Trainee:
Họ Tên Sinh-Viên/Người Được Huấn-Luyện: _____
2. School and School Address :
Trường và Địa-Chỉ Nhà Trường : _____
3. Dates: From: _____ To: _____
Ngày, Tháng, Năm Từ _____ Đến: _____
4. Description of Courses :
Mô-Tả Ngành Học : _____
5. Who paid for training? :
Ai Đãi-Tho Chương-Trình Huấn-Luyện? : _____

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐.)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ-thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐)

H. Re-education of You or Your Spouse
Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã Học-tập Cải-Tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ Tên Người Đi Học-Tập Cải-Tạo : NGUYỄN VĂN TẤN
2. Total time in Reeducation: _____ years _____ months _____ days
Tổng-Cộng Thời Gian Học Tập Cải-Tạo: 5 năm 2 tháng 11 Ngày
3. Still in Reeducation? * Yes _____ No _____
Vẫn Còn Học-Tập Cải-Tạo? * Có _____ Không X

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?
Có-Chú Phạ Thuộc

- All of the papers pertaining to my past jobs were burnt on 30 April 1975.
- Electric Computing Procedure No. : 184197
- Pre 1975 ID Card No. : 00104745 issued in 6th Precinct, Saigon on 10 Jan. 1969
- My wife, Nguyễn thị BẠCH TUYẾT lives at : 43/7 ấp 2, Phú Mỹ, Nhà Bè, HỒ CHÍ MINH city
- I have only an old mother who is depend on my sponsorship, she will meet undue hardship if I leave her behind. Please consider my mother's case too.
- I have sent my ODP Applications in the years of 1982 and 1983 but have not got yet the result by return. I am very expected to have soon your reply

Signature
Ký Tên : Kutrad

Date
Ngày: 23 October 1984

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
Xin Nêu Ra Tất Cả Giấy-tờ Kèm Theo với số Câu Hỏi Này

- Release Certificate (1 copy)
- Marriage Certificate (1 copy)
- Birth Certificates (2 copies)
- Draftee's certificate
- Wife's pre 1975 ID Card (2 copies)
- Photos (6 pieces)
- Other documents (2 copies)
- Extract of judgment

BỘ NỘI VỤ
Trại: Hàm Tân
Số: _____/GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 900-HC/TT ngày 04-1-1961 của bộ nội vụ

Thi hành quyết định tha số 114-110 ngày 15-6-1980 của

bộ nội vụ.

Nay cấp giấy tha cho anh có tên sau:

Họ, tên khai sinh: NGUYỄN VĂN TÂN.

Họ, tên thường gọi:

Họ, tên bí danh:

Sinh ngày 15 tháng 01 năm 1941

Sinh quán: Gia định.

Trú quán: 200/2 Trương Tấn Bửu, quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cán tội: Thiếu úy, trưởng cuộc cảnh sát.

Đi cắt ngày: 27-6-1975

Án phạt: Tập trung cải tạo.

Nay về cư trú tại: (Được cử trú trong thành phố, còn các nơi khác do chính quyền địa phương quy định).

ĐẶC ĐIỂM QUÁ TRÌNH CẢI TẠO

Tư tưởng: Chưa thấy biểu hiện gì xấu, đã cố gắng học tập tiên bộ.

Lao động: Chăm bảo ngày, công đạt được mức hoàn hảo giáo.

Nội quy: Chưa sai phạm gì lớn.

Học tập: Tham gia đầy đủ, ý thức học tập tốt.

Thời hạn quản chế: 12 tháng.

Đã tay ngón trở phải.

Đã: Nguyễn Văn Tân

Họ, tên chữ ký

Người được cấp giấy

/)/ ngày 7 tháng 9 năm 1980.

GIÁM THỊ

NGUYỄN VĂN TÂN

Thiếu tá: PHẠM HUỆ.

Công An P500
Hs có hình ảnh tha
tại cơ quan về tước
bản quân trước xét
quản quyết

ngày 08.09.1986

Trò ban



[Signature]
Vân Sơn

VIỆT-NAM CỘNG-HOA
République du Viêt-Nam

BỘ TƯ- PHÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ- PHÁP NAM- PHÂN
Service Judiciaire du Sud Viêt-Nam

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ SỞ-THẨM SAIGON

(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{ère} INSTANCE DE SAIGON)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

NHON ĐỨC

GIA ĐÌNH

(NAM-PHÂN)

(Sud-Viêt-Nam)

NĂM 1941
(Année)

SỐ HIỆU 8
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Nguyễn văn Tân
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nam
Sinh ngày nào (Date de naissance)	15 / 1 / 1941
Sinh tại chỗ nào (lieu de naissance)	Nhon Đức
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Nguyễn văn Bè
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Làm ruộng
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Nhon Đức
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Lâm thị Chương
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Việc nhà
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Nhon Đức
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Chúng tôi, **Tôn Thất Hiệp**
(Nous)

được Chánh-án Toà **Saigon U.N.**
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông **Trần Quan Chấn**
(M.)

Chánh Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en Chef du Tribunal).

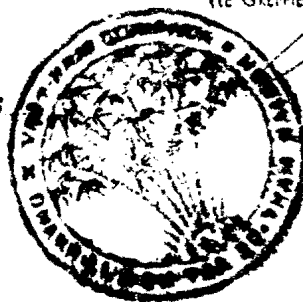
Saigon, ngày 31 / 12 / 1962

T. U. N. CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT)
THẨM-PHÁN.

Trích y bản chánh.
(Pour extrait conforme).

Saigon, ngày 31 / 12 / 1962

CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)



Giấy này:
(Coch)

Riêng-lai số: 62844/53
(Quittance no)

THÀNH-PHỐ HỒ-CHÍ-MINH

ỦY-BAN NHÂN-DÂN

Quận 5

Xã

BẢN-SAO KHAI-SANH

Số hiệu: 7276

Năm: 1959

Lập ngày 27 tháng 04 năm 1959

Họ tên	NGUYỄN-THỊ-ĐẠCH-TUYẾT
Trai hay gái	ĐAI
Ngày, tháng, năm sanh	23-4-1959
Nơi sanh	128 Hùng-Vương
Họ tên, quốc tịch cha	NGUYỄN-VĂN-SÁU
Họ tên, quốc tịch mẹ	NGUYỄN-TRỊ-TRUYỀN

SAO LỤC

Thành-phố HỒ-CHÍ-MINH, ngày 06 tháng 7 năm 197 7

QUẬN 5
KIỂM HOÀN HỘ-TỊCH



Trương Văn Hồi

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT12/P3

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Xã, Phường

QĐ số

Huyện, Quận

Ngày

Tỉnh, Thành phố

Số

Quyển số

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG

VỢ

Họ và tên

Bí danh

Sinh ngày tháng

năm hay tuổi

Dân tộc

Quốc tịch

Nghề nghiệp

Nơi đăng ký

nhân khẩu

thường trú

Số giấy chứng minh nhân dân:

hoặc hộ chiếu

Đăng ký ngày

Người chồng ký

Người vợ ký

TM. U.B.N.D.

KT. Chủ tịch
Phó Chủ tịch



TÒA SƠ-THẨM
SAIGON

PHÒNG LỤC-SỰ

TRÍCH-LỤC ÁN PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM SAIGON

Ngày 18 tháng 9 năm 1973 Tòa SƠ-THẨM SƠ xử về việc

Số 17106.NĐ.70

Hội đồng phiên nhậm công khai

Án thẩm ~~XXXXXX/XX/XX~~ xác nhận ngày 18 tháng 9 năm 1973

lý lịch gồm có các ông:

Chánh-Án: NGUYỄN VĂN THƯỜNG

Biên-Lý: LƯƠNG ĐỨC HỌP

Lục-Sự: TÔ VĂN PHÚC

đã lên bản án như sau:

BẢN ÁN - TÒA ÁN

Chiếu theo đơn của Nguyễn-văn-Tấn

BỞI CÁC LẼ ẤY:

~~XXXXXX/XX/XX~~ xác nhận hai lý-lịch chỉ áp dụng cho một người:1/Lâm-thị-Tú, sinh năm 1909 tại Diadinh con của Lâm-văn-
Khánh(chết) và Nam(chết) (ghi trên căn cước số 0-09-14,
cấp tại quận 6 Saigon ngày 15-6-1970)';2/Lâm-thị-Chuồng, sinh năm 1909 tại Diadinh, con của Lâm-
văn-Khánh(chết) và Nam(chết) (ghi trên các giấy tờ hộ
sách của 2 người con là Nguyễn-văn-Tấn và Nguyễn-thị-Dào)

/////

Bản rằng án này, thế-vì khai-sanh cho

Đã ghi đơn phân-quyết án này vào sổ khai-sanh đương niên

và tước-biên án này vào lễ tố khai-sanh gần đây

nơi nổi trên

nổi trên
gửi lại lưu-trữ công-văn
và Phòng Lục-Sự Tòa Án số tại.

Đã nguyên-dơn chịu hết án-phí

Án này làm, xử và tuyên vào ngày, tháng và năm đã kê trên.

Ký tên:

NGUYỄN VĂN THƯỜNG . TÔ VĂN PHÚC
Trước-bà lại ngày
Quyền Từ
Thần

Số 752-53

GIÁ TIỀN	
Còn niêm	50 \$ 00
Bằng lộc	5 \$ 00
Biên-lai	1 \$ 00
Cộng chung	56 \$ 00

TRÍCH Y BẢN CHÁNH

LƯU ngày 27 tháng 11 năm 1973
CHÁNH LỤC-SỰ.

sự Phạm-Công-Nghị

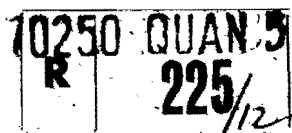
FR. NGUYỄN VĂN TÂN . SỐ 299/2 LÊ QUANG-SUNG, P6. Q6. TP/HỒ-CHÍ-MINH
VIỆT-NAM.



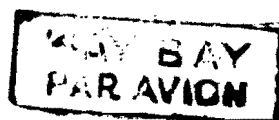
TO: KHUẾ-MINH-THỦ.

PO BOX 5435 ARLINGTON

VA. 22.205 - 0635

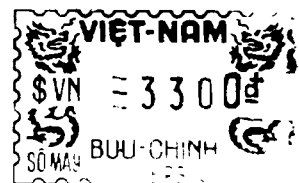


U.S.A



MAY 1 2 1989

H19 - 13 294.



Handwritten signature or mark.



CONTROL

____ Card
+ Doc. Request; Form 07/22/89
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter